

Số: 85 /KH-SYT

Bắc Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2016

KẾ HOẠCH
Công tác y tế tỉnh Bắc Giang năm 2017

Thực hiện Công văn số 4162/BYT-KHTC ngày 06/7/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Công văn số 1662/UBND-TH ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và căn cứ Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Công văn số 847/SKHĐT-THQH ngày 22/6/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017;

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch công tác y tế tỉnh Bắc Giang năm 2017 với những nội dung sau:

Phần I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM,
DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

1. Công tác quản lý nhà nước

1.1. Công tác tham mưu:

Sở Y tế đã tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh một số nội dung trọng tâm trong công tác y tế trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Tài chính;

- Quyết định số 296/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang theo Thông tư liên tịch 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ;

- Kế hoạch số 949/KH-UBND ngày 13/4/2016 về thực hiện Kết luận số 118-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 1329/KH-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh về thực hiện kết luận số 119-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình;

- Kế hoạch số 1429/KH-UBND ngày 26/05/2016 về thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 13/01/2016 về phòng chống dịch ở người tỉnh Bắc Giang năm 2016;

- Một số văn bản quan trọng đối với hoạt động của ngành y tế như: Kế hoạch về thực hiện phòng, chống dịch bệnh do vi rút Zika trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch về triển khai tiêm tiêm vắc xin sởi - rubella cho đối tượng 16-17 tuổi của tỉnh Bắc Giang năm 2016; Kế hoạch về triển khai "Tháng hành động vì ATTP" năm 2016...

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Trên cơ sở 10 nhiệm vụ trọng tâm của Giám đốc Sở Y tế đã được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 11/3/2015; Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc làm căn cứ xây dựng 10 nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện; trong đó các đơn vị phải đặc biệt quan tâm thực hiện 02 nhiệm vụ: Cải cách hành chính trong khám chữa bệnh và thực hiện xã hội hóa y tế.

Sở Y tế ban hành nhiều văn bản kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn để chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện nhiệm vụ. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 04/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đồng thời tổ chức nhiều đoàn công tác đến làm việc với UBND huyện/thành phố và một số xã/phường/thị trấn về thực hiện quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, về thực hiện BHYT toàn dân, BHYT cho người cận nghèo. Tổ chức nhiều cuộc kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc và chỉ đạo quyết liệt một số nội dung trọng tâm triển khai năm 2016 như: Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh; phát triển kỹ thuật tại các bệnh viện; xã hội hóa y tế; cải tiến chất lượng bệnh viện; an toàn tiêm chủng; công tác khám chữa bệnh và thu chi tài chính tuyến xã, công khai số điện thoại của lãnh đạo trung tâm y tế huyện/thành phố để người dân biết và thông tin về tình hình chấp hành quy định pháp luật về an toàn thực phẩm. Chỉ đạo các bệnh viện xây dựng Đề án phát triển bệnh viện giai đoạn 2016-2025 báo cáo Hội đồng thẩm định Sở Y tế thẩm định và trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Hàng quý, Sở Y tế tổ chức giao ban công tác khám chữa bệnh, y tế dự phòng và dân số - KKHGD để kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trong ngành.

1.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát:

Ban hành kế hoạch công tác thanh tra năm 2016 và kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2016. Tổ chức 1 cuộc thanh tra đột xuất thực hiện pháp luật về kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng đối với các cơ sở kinh doanh, sử dụng thuốc; qua thanh tra đột xuất 10 cơ sở bán lẻ thuốc, có 6 cơ sở vi phạm, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính 6 cá nhân, tổng tiền phạt 16 triệu đồng. Tổ chức 1 cuộc thanh tra công bằng trong chăm sóc sức khỏe tại tuyến y tế cơ sở đối với 10 trạm y tế xã, thị trấn thuộc huyện Việt Yên và Hiệp Hòa; xử lý 01 vụ vi phạm hành chính của 01 cá nhân hành nghề dược không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, tổng tiền xử phạt 5 triệu đồng.

Công tác tiếp công dân và tiếp nhận, xử lý đơn, thư tại Sở Y tế được thực hiện nghiêm túc, trong 6 tháng đầu năm tiếp 16 lượt công dân và tiếp nhận 23 đơn trong đó khiếu nại 02 đơn, tố cáo 10 đơn, phản ánh đề nghị 11 đơn, đã phân loại, xử lý theo quy định.

1.4. Quản lý hành nghề y, dược:

Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 06/11/2013 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý hành nghề y, dược ngoài công lập; Sở Y tế đã tổ chức làm việc với UBND huyện/thành phố và một số xã/phường/thị trấn về triển khai thực hiện công tác quản lý hành nghề y, dược ngoài công lập trên địa bàn; thông quan các cuộc làm việc đã làm rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền cơ sở trong việc công tác quản lý hành nghề y, dược ngoài công lập.

Tổ chức xét cấp 238 chứng chỉ hành nghề dược; cấp 179 giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” cho các quầy thuốc, nhà thuốc và đại lý kinh doanh thuốc cho doanh nghiệp; cấp 09 giấy chứng nhận đạt “Thực hành tốt phân phối thuốc” cho doanh nghiệp kinh doanh dược; cấp 01 giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc. Xét cấp 169 chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh; cấp 43 giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cơ sở hành nghề y tư nhân.

Sở Y tế tổ chức các đợt kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực dược tại 24 cơ sở kinh doanh thuốc trên địa bàn; đã ban hành quyết định thu hồi 8 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc; yêu cầu 22 cơ sở khắc phục một số tồn tại. Tổ chức thanh tra, kiểm tra 25 cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập trên địa bàn, đã ban hành quyết định thu hồi 5 giấy phép hoạt động; nhắc nhở 21 cơ sở, chuyển UBND huyện/TP xử lý 6 hồ sơ.

Các Phòng Y tế các huyện/thành phố tiến hành thanh tra, kiểm tra được 418 cơ sở (đạt 244,4% so với cùng kỳ năm 2015), nhắc nhở 29 cơ sở; xử phạt vi phạm hành chính 16 cơ sở, thu nộp ngân sách 202,5 triệu đồng. UBND các xã/phường/thị trấn đã tiến hành kiểm tra được 709 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, nhắc nhở các sai phạm của 203 cơ sở.

1.5. Cải cách hành chính:

Tiếp tục rà soát, thống kê thủ tục hành chính: Trong 6 tháng đầu năm, đã thực hiện rà soát 4 thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý hành nghề dược có

nhieu bất cập trong khi thực hiện và có Báo cáo số 133/BC-SYT ngày 29/6/2016 gửi về Sở Tư pháp.

Các bệnh viện công lập tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh theo Quyết định 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế; nhiều bệnh viện tổ chức khám bệnh từ 6 giờ 30 sáng để kịp thời phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, giảm nhiều tình trạng ùn tắc đầu giờ sáng và giảm thời gian chờ đợi của người bệnh.

1.6. Thi đua khen thưởng:

Trong 6 tháng đầu năm, Giám đốc Sở Y tế đã khen thưởng đột xuất cho 01 tập thể có thành tích trong hoạt động cấp cứu bệnh nhân nặng; khen thưởng cho 19 cá nhân và 6 tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác Hội Điều dưỡng; trình cấp có thẩm quyền khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 tập thể 07 cá nhân có thành tích trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2015, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho 01 tập thể và 02 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động kết hợp quân - dân y giai đoạn 2005-2015.

2. củng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế

Sở Y tế đã phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 296/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang theo Thông tư liên tịch 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ; trên cơ sở đó Sở Y tế đang tham mưu UBND tỉnh phương án giải thể, sáp nhập một số đơn vị trực thuộc theo hướng thu gọn đầu mối, tăng hiệu quả hoạt động và đầu tư.

Các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh; các bệnh viện tuyến huyện và các trung tâm tuyến tỉnh tiếp tục kiện toàn, phát triển các khoa phòng phù hợp chức năng nhiệm vụ và theo hướng chuyên khoa sâu, trong đó: Bệnh viện Đa khoa tỉnh thành lập khoa ngoại tiết niệu, khoa ngoại tiêu hóa, khoa điều trị theo yêu cầu; một số bệnh viện thành lập phòng quản lý chất lượng bệnh viện, tổ công tác xã hội.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 545/KH-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh về thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Phân công trách nhiệm cho các đơn vị trong ngành giúp đỡ các xã xây dựng tiêu chí quốc gia về y tế; ước tính đến hết năm 2016 số xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế sẽ là 206/230 (đạt 89,6% tổng số xã/phường/thị trấn).

3. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo phát triển nhân lực

Ban hành Kế hoạch số 82/KH-SYT ngày 29/6/2016 về việc tuyển chọn lãnh đạo một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc năm 2016 để tiếp tục kiện toàn bộ máy lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc, trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại một số đơn vị (Phó Giám đốc BVĐKKV Lục Ngạn; BVĐK Tân Yên; Giám đốc, phó giám đốc bệnh viện Sơn Động). Công tác bổ nhiệm lại, bổ nhiệm

mới theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo dân chủ, công bằng và những cán bộ được bổ nhiệm đều đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Sở Y tế đã ban hành Kế hoạch số 37/KH-SYT ngày 14/3/2016 về đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngành y tế năm 2016; cử đi đào tạo kỹ thuật mới cho 32 viên chức (trong đó 11 viên chức đào tạo kỹ thuật mới tại tuyến Trung ương, 21 đào tạo tại tỉnh). Đề xuất tham dự xét tuyển lớp cao cấp chính trị 01 cán bộ.

Ước đến hết năm 2016, số bác sĩ/10.000 dân đạt 8,2 bác sĩ, số dược sĩ đại học/10.000 dân đạt 0,68 dược sĩ; tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ đạt 98,3%, đạt KH năm.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn

4.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Trong 6 tháng đầu năm, đã thực hiện truyền thông trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh 148 tin, bài, phóng sự và 11 chuyên mục; trên Báo Bắc Giang 223 tin, bài, ảnh; viết 30 bài tuyên truyền gửi trung tâm y tế các huyện/thành phố để tuyên truyền tại huyện, xã. Nội dung truyền thông về công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống các bệnh lây nhiễm qua đường hô hấp; tăng cường công tác phòng, chống bệnh mùa hè; phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, tiêu đường, hen phế quản...); chính sách bảo hiểm y tế, sự thay đổi giá dịch vụ khám chữa bệnh, chính sách dân số. Trên website của Sở Y tế đăng tải nhiều tin, bài, ảnh, các văn bản pháp quy, văn bản chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế và phổ biến y học thường thức; các thủ tục cấp phép hành nghề y, dược.

4.2. Y tế dự phòng:

Công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn được triển khai chủ động và tăng cường hoạt động của hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm từ tỉnh đến xã; các huyện/thành phố tiếp tục thực hiện báo cáo giám sát bệnh truyền nhiễm bằng phần mềm.

Trong 6 tháng đầu năm, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi là 48,5%, đạt 51,2% KH năm; tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván AT2+ cho phụ nữ có thai là 48,8%, đạt 54,2% KH năm; trên địa bàn tỉnh không xuất hiện dịch bệnh nguy hiểm, đa số bệnh truyền nhiễm có xu hướng giảm hơn so với cùng kỳ năm 2015, tiếp tục duy trì thanh toán bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh.

Tuy nhiên, đã ghi nhận 49 trường hợp nghi viêm não vi rút, tăng 12 trường hợp (tương đương 36.1%) so với cùng kỳ năm 2015, có 2 trường hợp dương tính Viêm não Nhật bản B, không có ca tử vong; phát hiện 02 trường hợp theo dõi sốt xuất huyết Dengue kết quả xét nghiệm có 01 ca dương tính; 03 trường hợp tử vong do bệnh Đại, những trường hợp này đều do chó dại cắn, chủ quan không tiêm phòng bệnh dại; phát hiện 15 trường hợp nghi cúm A, trong đó có 01 trường hợp dương tính với cúm A, số mắc Cúm A giảm 5 trường hợp so với cùng kỳ năm 2015; ghi nhận 02 ổ dịch quai bị tại 02 trường mầm non của huyện Tân Yên (Tân Trung 07 trường hợp và TT Nhã Nam 07 trường hợp); ghi nhận 252 trường hợp quai bị, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm 2015; phát hiện 02 bệnh nhân Phong mới

tại huyện Lạng Giang, đã thực hiện cấp thuốc điều trị, chăm sóc theo đúng quy định; tỷ lệ bệnh nhân mắc sốt rét là 0,01 BN/1000 dân. Triển khai mới 5 xã/phường/thị trấn về quản lý bệnh động kinh, đạt 50% KH năm.

Quản lý 3.717 cơ sở thực phẩm; tiến hành thanh tra, kiểm tra được 3.165 lượt cơ sở, chiếm 85,1% số cơ sở thực phẩm; tỷ lệ đạt yêu cầu về ATTP chiếm 77,9%, đạt 102,5% KH năm.

Hoạt động tuyên truyền và triển khai phòng, chống ngộ độc thực phẩm tại các tuyến được duy trì và tăng cường trong các dịp cao điểm. Trong 6 tháng đầu năm 2016, trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 vụ ngộ độc thực phẩm ở 2 bếp ăn tập thể doanh nghiệp và 01 đám cưới hộ gia đình với 173 người mắc, các vụ ngộ độc được xử lý, cấp cứu kịp thời, không có trường hợp tử vong, số người mắc ngộ độc thực phẩm lũy tích từ đầu năm là 10,4/100.000 dân (không đạt kế hoạch năm).

Hoạt động can thiệp dự phòng, chăm sóc, điều trị bệnh nhân HIV/AIDS được triển khai với đa dạng dịch vụ như: Cung cấp bơm kim tiêm, nước cất, bao cao su miễn phí cho nhóm nguy cơ cao (nghiện chích ma túy, gái mại dâm); dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện tại 02 điểm cố định (ở Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Y tế huyện Tân Yên) và các điểm tư vấn xét nghiệm lưu động ở các huyện khác, trại tạm giam và trại giam; dịch vụ chăm sóc, điều trị nhiễm trùng cơ hội, đặc biệt là điều trị bằng thuốc kháng vi rút (ARV); dịch vụ Methadone đã triển khai được 07 cơ sở (tại Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS; Trung tâm Y tế các huyện: Lục Ngạn, Hiệp Hòa, Yên Thế, TP Bắc Giang; Trung tâm Điều trị nghiện tự nguyện, Trung tâm Giáo dục lao động - xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội) với số người được điều trị nghiện bằng thuốc Methadone là 840 người, đạt 60% KH năm, hiện đang chuẩn bị các điều kiện để triển khai thêm 01 cơ sở ở Tân Yên. Hoạt động dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con được triển khai tại 10 huyện/thành phố, đã tư vấn trước xét nghiệm HIV cho 18.000 bà mẹ mang thai, xét nghiệm HIV tự nguyện 10.400 bà mẹ mang thai, đạt 57,8 % KH năm, phát hiện 03 trường hợp dương tính với HIV đã được đưa vào điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con đúng quy định.

Lũy tích toàn tỉnh Bắc Giang đến ngày 30/6/2016, đã phát hiện 2.976 người nhiễm HIV/AIDS; số bệnh nhân AIDS đã tử vong là 1.102 người; số người nhiễm HIV/AIDS còn sống là 1.874 người. Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng là 0,1%.

4.3. Khám, chữa bệnh:

Sở Y tế ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các bệnh viện nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thực hiện các quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật; cải cách hành chính trong khám, chữa bệnh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh; cải tiến và quản lý chất lượng bệnh viện; xã hội hóa các hoạt động y tế; chỉ đạo các đơn vị xây dựng phương án thực hiện khám, chữa bệnh vào ngày nghỉ, ngày lễ và triển khai khám bệnh từ 6 giờ 30 sáng để kịp thời phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân; tiếp tục chấn chỉnh nghiêm túc thực hiện việc khám giám định bệnh, dị tật, dị dạng có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học.

Triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính và Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC về Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc; chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở khám chữa bệnh BHYT thường xuyên cập nhật, báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC để Sở Y tế báo cáo Bộ Y tế chỉ đạo, hướng dẫn bổ sung kịp thời.

Công tác phát triển kỹ thuật tiếp tục được nhiều bệnh viện trong ngành chú trọng, Sở Y tế đã phê duyệt bổ sung nhiều danh mục kỹ thuật đúng tuyến và vượt tuyến cho các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Tiếp tục triển khai Đề án Bệnh viện vệ tinh và Đề án 1816 của Bộ Y tế, các bệnh viện tuyến tỉnh đang nhận chuyển giao kỹ thuật từ bệnh viện trung ương và các bệnh viện tuyến huyện đang nhận chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến tỉnh; đặc biệt hiệu quả là hình thức chuyển giao kỹ thuật tại chỗ thông qua đề án xã hội hóa y tế, mời các thầy thuốc tuyến trên về thực hiện khám, chữa bệnh theo yêu cầu và chuyển giao kỹ thuật.

Tiếp tục triển khai Đề án quản lý và điều trị ngoại trú bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện và trạm y tế tuyến xã: Đang chuẩn bị các điều kiện để mở rộng thêm 35 trạm y tế xã/phường/thị trấn triển khai quản lý, điều trị ngoại trú tăng huyết áp. Sở Y tế ban hành Kế hoạch số 62/KH-SYT ngày 11/5/2016 về triển khai mô hình quản lý, điều trị ngoại trú bệnh tiểu đường và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) tại tuyến y tế cơ sở giai đoạn 2016-2020, dự kiến trong năm 2016 sẽ triển khai thí điểm mô hình quản lý, điều trị ngoại trú bệnh tiểu đường và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại 6 xã trong tỉnh.

Công tác quản lý và cải tiến chất lượng bệnh viện đã được triển khai thực hiện ở hầu hết các bệnh viện công lập. Tại các bệnh viện đã triển khai thực hiện 5S, thực hiện quy định về việc quản lý sai sót, sự cố chuyên môn; bảng kiểm an toàn phẫu thuật, các quy trình chăm sóc, kiểm soát nhiễm khuẩn, tiêm an toàn.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Quy định hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo tại các cơ sở y tế công lập và hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cao cho người cận nghèo từ nguồn kinh phí Dự án NORRED.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu khám chữa bệnh 6 tháng đầu năm 2016 như sau:

- Số lượt khám bệnh: 1.354.331 lượt, đạt 50,1% kế hoạch năm, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2015.

- Điều trị nội trú: 109.257 người, đạt 63,5% kế hoạch năm, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2015.

- Điều trị ngoại trú: 39.080 người, đạt 96,4% kế hoạch năm, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2015.

- Công suất sử dụng giường bệnh bình quân toàn tỉnh là 116,6%, trong đó tuyến tỉnh 117,4%, tuyến huyện 115,5%, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2015.

- Số lượt khám giám định cho các đối tượng chính sách: 364 lượt, đạt 30,3% KH năm.

- Số lượt khám giám định pháp y: 283 lượt, đạt 62,9% KH năm.

4.4. Dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

Phối hợp với các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể ở tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền chính sách dân số - KHHGD bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Hàng quý, Sở Y tế duy trì thông báo tình hình cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm sinh con thứ ba trở lên tới Chủ tịch UBND các huyện/thành phố để Chủ tịch UBND các huyện/thành phố làm căn cứ xử lý, cũng như chỉ đạo, triển khai các biện pháp nhằm hạn chế đối tượng vi phạm chính sách dân số trên địa bàn. Đồng thời đề nghị UBND các huyện/thành phố thông báo tình hình cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức sinh con lần 3 trở lên đến UBND cấp xã và có những văn bản chỉ đạo thực hiện.

Ước đến ngày 30/6/2016: Dân số trung bình toàn tỉnh là 1.650.020 người. Số trẻ em sinh ra trên toàn tỉnh là 12.152 trẻ, giảm 473 trẻ so với cùng kỳ năm 2015, trong đó: con lần thứ 3 trở lên là 1.362 trẻ, chiếm 10,9% so số sinh và tăng 0,49% trẻ so cùng kỳ năm 2015; Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 0,52%, giảm 0,036% so cùng kỳ năm 2015; mức giảm tỷ lệ sinh là 0,38‰; tỷ số giới tính khi sinh toàn tỉnh 114,5 nam/100 nữ, đạt KH năm. Số người mới áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại là 83.448 người, đạt 88,8% KH năm.

Chỉ đạo, giám sát các đơn vị y tế cơ sở duy trì thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em đảm bảo theo hướng dẫn quốc gia về chăm sóc SKSS của Bộ Y tế. Hướng dẫn các đơn vị duy trì các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại cộng đồng như: cân và chắm biểu đồ tăng trưởng cho trẻ dưới 2 tuổi 3 tháng/lần; theo dõi cân nặng hàng tháng đối với trẻ dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng; lồng ghép chiến dịch cân, đo trẻ em dưới 5 tuổi với bổ sung vi chất dinh dưỡng vào ngày 1 tháng 6; thực hiện thường xuyên công tác tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai tại cộng đồng trong các buổi tiêm chủng và khám thai định kỳ.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản trong 6 tháng đầu năm: Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống là 11,4; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 2,8‰; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi 4,0‰; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân) là 14,4%; tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ là 80%; tỷ lệ phụ nữ có thai đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ đạt 98,7%; Số lượt khám phụ khoa là 38.500 lượt, đạt 64,2% KH năm; Số lượt điều trị phụ khoa là 13.500 lượt, đạt 64,2% KH năm.

5. Công tác kế hoạch và tài chính

Năm 2016 là năm đầu tiên triển khai thực hiện một số chính sách về đổi mới cơ chế tài chính, cụ thể:

- Triển khai thực hiện thông tuyến huyện trong khám chữa bệnh BHYT theo Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.

- Triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính và Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC về Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16/2/2016 của Bộ Tài chính.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh ban hành một số chính sách phát triển y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ.

Thông qua đổi mới cơ chế tài chính, các đơn vị sự nghiệp y tế đã có thay đổi rõ rệt về nhận thức và chủ động hơn trong việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động của đơn vị; đồng thời thay đổi về nhận thức, cũng như hành động về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phòng bệnh, thay đổi thái độ, giao tiếp ứng xử trong phục vụ người bệnh nhằm thu hút người bệnh đến với cơ sở của mình và đã tạo điều kiện cho người bệnh được tự lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh, tiếp cận dịch vụ được thuận tiện, giảm thời gian chờ đợi và hài lòng hơn.

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách được UBND tỉnh giao; Sở Y tế đã thực hiện phân bổ, giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2016 cho các đơn vị trực thuộc. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện, nhất là công tác quản lý tài chính của các đơn vị y tế, qua đó kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện. Đã thực hiện thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước ở tất cả các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đó tổng hợp, báo cáo với Sở Tài chính để thẩm định quyết toán thu, chi tài chính toàn ngành y tế năm 2015.

Ước tính thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2016: Kinh phí thu sự nghiệp y tế là 427.300 triệu đồng, đạt 62,8% kế hoạch năm. Kinh phí chi hoạt động thường xuyên là 205.660 triệu đồng, đạt 50,4% kế hoạch năm.

6. Dược, trang thiết bị

Sở Y tế đã hướng dẫn các đơn vị ký hợp đồng mua thuốc theo kết quả đấu thầu tập trung năm 2015 và mua các thuốc không có trong danh mục trúng thầu; điều chỉnh bổ sung số lượng thuốc trúng thầu năm 2015 theo nhu cầu sử dụng của các đơn vị. Hướng dẫn các đơn vị lập dự trù nhu cầu mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm y tế để làm cơ sở xây dựng kế hoạch đấu thầu thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2016 và dự kiến trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Đã tổ chức đấu thầu gói thầu Vị thuốc YHCT cung ứng cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh.

Thông báo, cập nhật các thông tin về thuốc; thông báo đình chỉ lưu hành và thu hồi toàn bộ các thuốc chứa hoạt chất thành phẩm sản xuất từ nguyên liệu Ofloxacin, Acid ascorbic, Domperidon maleat không rõ nguồn gốc; ngừng sử dụng và thu hồi thuốc Taxotere; thông báo đình chỉ lưu hành thu hồi vắc xin tOPV, Vắc xin ngừa dại Lysavac N (Lô RO 107, RO 114, RO 117); thông báo tạm ngừng sử dụng vắc xin Quinvaxem, lô 1453322.03 do không đạt tiêu chuẩn về chỉ tiêu công hiệu của vắc xin viêm gan B; thông báo đình chỉ lưu hành và thu hồi 20 sản phẩm mỹ phẩm, 04 lô thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng; Thông báo và chỉ đạo thu hồi, xử trí thuốc giả Dianfagic.

Tiếp tục thực hiện mua sắm một số trang thiết bị thiết yếu từ các nguồn vốn để đưa vào sử dụng phục vụ phát triển kỹ thuật. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng trang thiết bị y tế đạt hiệu quả. Điều chuyển trang thiết bị tại một số đơn vị y tế tuyến tỉnh, huyện, xã theo nhu cầu sử dụng. Thanh lý tài sản của các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng cơ bản

Năm 2016, là năm đầu tiên thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020; theo đó một số dự án do Sở Y tế làm chủ đầu tư được điều chỉnh giao cho Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm chủ đầu tư.

Đối với một số dự án do Sở Y tế và đơn vị trực thuộc Sở làm chủ đầu tư, kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm như sau:

- Dự án cải tạo nâng cấp BVĐK tỉnh: Đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 01/2016.

- Dự án xây dựng Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng: Đã hoàn thành bàn giao sử dụng từ cuối năm 2015, đang trình duyệt quyết toán.

- Dự án xây dựng Trung tâm Y tế huyện Tân Yên: Đang triển khai giai đoạn 2 của dự án (thi công xây lắp khối nhà xét nghiệm, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ).

- Dự án xây dựng khối điều trị nội trú (9 tầng), khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - BVĐK tỉnh: Dự án bắt đầu triển khai xây lắp từ năm 2016, hiện đang lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

- Dự án Bệnh viện Tâm thần: Đang hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt quyết toán.

- Dự án Bệnh viện Lao và Bệnh phổi: Đã khởi công gói thầu cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất khối nhà kỹ thuật (được, cấp cứu, điều trị nội trú); đang tổ chức đấu thầu gói thiết bị y tế.

- Dự án Bệnh viện Sản Nhi: Đang triển khai thực hiện các gói thầu xây dựng, lắp đặt thiết bị thang máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống công nghệ thông tin khối nhà 7 tầng, nhà cầu, hiện đã đưa vào sử dụng nhà khoa chống nhiễm khuẩn và khoa giải phẫu bệnh lý.

- Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện vay vốn Ngân hàng Thế giới: Đã khởi công các gói thầu xây lắp và đang tổ chức các gói thầu thiết bị.

8. Công tác xã hội hóa y tế

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh về một số chính sách phát triển y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ; Sở Y tế đã chỉ đạo, đôn đốc các bệnh viện khẩn trương và nghiêm túc triển khai thực hiện xã hội hóa y tế.

Tính đến ngày 30/6/2016, đã có 08 bệnh viện được UBND tỉnh phê duyệt Đề án xã hội hóa các dịch vụ y tế và đang triển khai thực hiện các nội dung của đề án, gồm: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, bệnh viện đa khoa các huyện: Hiệp Hòa, Yên Thế, Tân Yên, Việt Yên, Lục Nam.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin và nghiên cứu khoa học

Tại Sở Y tế duy trì thực hiện quản lý hồ sơ công việc, công văn đi, công văn đến bằng phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc; duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN: ISO 9001:2008.

Sở Y tế đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-SYT ngày 05/02/2016 về việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT; đôn đốc, chỉ đạo các bệnh viện thực hiện yêu cầu của Bộ Y tế và BHXH Việt Nam về việc ứng dụng CNTT trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT. Tính đến ngày 30/6/2016 đã có 15/16 bệnh viện (94%), đã triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý khám chữa bệnh, đảm bảo thông suốt, trích xuất dữ liệu phục vụ thanh quyết toán BHYT.

Trong 6 tháng đầu năm, Sở Y tế đã thông qua đề cương 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc đã xét, phê duyệt triển khai thực hiện 91 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

10. Đánh giá chung

10.1. Một số kết quả chủ yếu:

- Ngành y tế đã tích cực tham mưu với Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh về những vấn đề trọng tâm trong công tác y tế phù hợp với tình hình thực tiễn tại tỉnh như: Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Tài chính; Quyết định số 296/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang theo Thông tư liên tịch 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ.

- Chủ động, tích cực triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh, giám sát dịch bệnh chặt chẽ; nhiều bệnh truyền nhiễm có số ca mắc giảm hơn so với cùng kỳ năm 2015, không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Việc triển khai thực hiện thông tuyến huyện trong khám chữa bệnh BHYT và triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính đã đem lại sự thay đổi rõ rệt về nhận thức và hành động của các bệnh viện trong việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, thay đổi thái độ, giao tiếp ứng xử trong phục vụ người bệnh nhằm thu hút người bệnh đến với cơ sở của mình và đã tạo điều kiện cho người bệnh được tự lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh, tiếp cận dịch vụ được thuận tiện, giảm thời gian chờ đợi và tăng hài lòng của người bệnh.

- Công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được triển khai tích cực và đạt kết quả rõ rệt, giảm thời gian chờ đợi và tăng sự hài lòng của người bệnh.

- Công tác chỉ đạo của Sở Y tế về thực hiện xã hội hóa y tế đã có kết quả tích cực, lãnh đạo và cán bộ y tế trong ngành đã có thay đổi tư duy về xã hội hóa y tế và quyết tâm triển khai thực hiện. Đã có 8 bệnh viện được phê duyệt Đề án xã hội hóa y tế và đang triển khai thực hiện.

- Công tác dân số - KHHGD: Các chỉ tiêu đều đạt tiến độ kế hoạch, đặc biệt là mức giảm tỷ lệ sinh và tỷ số giới tính khi sinh toàn tỉnh dự kiến sẽ đạt kế hoạch năm.

- Công tác quản lý hành nghề y dược từng bước đi vào nề nếp, các hoạt động thanh tra, kiểm tra đã được tiến hành thường xuyên; thông qua thanh tra, kiểm tra đã giúp các cơ sở hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, chấn chỉnh được những tồn tại, hạn chế và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm.

- Cơ bản thống nhất và bình ổn giá thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm y tế trên địa bàn, đồng thời đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, có chất lượng phục vụ người bệnh.

10.2. Hạn chế, khó khăn, thách thức và nguyên nhân:

- Việc thay đổi cơ chế tài chính như: Thực hiện tự chủ tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; thông tuyến huyện trong khám chữa bệnh BHYT và thay đổi giá dịch vụ khám chữa bệnh BHYT theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC đã đem lại cho các cơ sở khám chữa bệnh những cơ hội để tiến tới tự chủ hoàn toàn hoạt động. Tuy nhiên, cũng có nhiều thách thức lớn do các cơ sở khám chữa bệnh hoạt động theo cơ chế bao cấp trong thời gian dài, tư duy lãnh đạo cũng như cán bộ y tế chưa thay đổi kịp, vì thế gặp nhiều lúng túng trong triển khai thực hiện.

- Tình hình bệnh dịch diễn biến khó lường, một số bệnh truyền nhiễm có xu hướng gia tăng trở lại nếu không tiêm chủng đầy đủ như: Viêm não; bên cạnh đó lại xuất hiện những bệnh dịch mới nguy hiểm như: Dịch bệnh do vi rút Zika.

- Việc kiểm soát chất lượng VSATTP còn gặp nhiều khó khăn, trên thị trường còn tình trạng lưu thông một số sản phẩm thực phẩm không đảm bảo VSATTP; trong cộng đồng còn tổ chức các bữa ăn đông người như bếp ăn tập thể trong các khu công nghiệp, trường học, đám cưới, đám giỗ... khi chế biến thực phẩm không đảm

bảo VSATTP, luôn thường trực nguy cơ xảy ra ngộ độc thực phẩm. Nguyên nhân do chính quyền cơ sở, nhất là cấp xã chưa chủ động tích cực trong việc kiểm soát chất lượng VSATTP; Ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngành Công thương chưa có văn bản hướng dẫn nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm tại xã/phường/thị trấn.

- Một số bệnh viện trong ngành việc phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật cao còn chậm. Nguyên nhân do người đứng đầu đơn vị chưa chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành và tình trạng thiếu cán bộ y tế, nhất là cán bộ y tế có năng lực chuyên môn cao.

- Một số nhân viên y tế chưa chú trọng công tác tư vấn, giải thích đầy đủ thông tin trong khám chữa bệnh, làm cho người bệnh và gia đình người bệnh còn phân nản về công tác giao tiếp ứng xử. Nguyên nhân do việc chấp hành pháp luật về khám chữa bệnh, văn hóa ứng xử, cũng như việc tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cá nhân của một số cán bộ y tế chưa nghiêm túc; công tác kiểm tra, giám sát của lãnh đạo một số đơn vị còn hạn chế.

- Một số đơn vị y tế vẫn còn tình trạng cơ sở vật chất xuống cấp, điều kiện vệ sinh phòng bệnh chưa tốt, thiếu trang thiết bị hiện đại để phát triển kỹ thuật nhưng chưa được đầu tư nâng cấp. Nguyên nhân do thiếu nguồn tài chính đầu tư cho nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế.

III. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016

- Các chỉ tiêu có khả năng đạt kế hoạch: Dự kiến hầu hết các nhiệm vụ, chỉ tiêu đều hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch năm 2016 như: Số bác sĩ/10.000 dân; Số dược sĩ đại học/10.000 dân; Tỷ lệ trạm y tế xã/phường/thị trấn có bác sĩ; Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ em dưới 1 tuổi; duy trì kết quả thanh toán bệnh phong, bại liệt và uốn ván sơ sinh; các chỉ tiêu về khám chữa bệnh; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; Tỷ số tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản, Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi; Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi; Mức giảm tỷ lệ sinh; Tỷ số giới tính khi sinh; Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng; Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

- Các chỉ tiêu thực hiện còn khó khăn hoặc kết quả ở mức chưa vững chắc, cần phải tập trung các giải pháp quyết liệt mới có khả năng hoàn thành kế hoạch được: Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, số lượt bệnh nhân điều trị Methadone.

- Các chỉ tiêu không hoàn thành kế hoạch năm: Số người mắc ngộ độc thực phẩm trong các vụ ngộ độc thực phẩm được ghi nhận.

Phần II
KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH Y TẾ NĂM 2017

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục kiện toàn và phát triển hệ thống y tế toàn tỉnh trên cơ sở Quy hoạch phát triển y tế tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tình hình thực tiễn; tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về y tế; nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn về khám chữa bệnh, phòng bệnh ở các tuyến; không để dịch bệnh bùng phát và lây lan rộng; tăng cường kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hiện có hiệu quả và bền vững công tác dân số - KHHGD; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, vắc xin, sinh phẩm y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh và sử dụng thuốc an toàn hợp lý; đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tích cực triển khai xã hội hóa y tế để tăng nguồn lực đầu tư cho y tế; đẩy mạnh cải cách hành chính; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH năm 2016	Kế hoạch năm 2017
	Chỉ tiêu đầu vào			
1	Số bác sỹ/10.000 dân	bác sỹ	8,2	8,3
2	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	98,3	98,7
3	Tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc YSSN	%	100	100
4	Số giường bệnh/10.000 dân (<i>không tính giường bệnh TYT và PKĐKKV</i>)	giường	22,8	24,2
	<i>Trong đó:</i>			
	- Số giường XHH trong BV công lập/10.000 dân	giường	1,1	2,1
	- Số giường BV ngoài công lập/10.000 dân	giường	0,7	1,0
	Chỉ tiêu hoạt động			
5	Số lượt khám bệnh trung bình/người/năm	lượt	1,63	1,65
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	≥ 96	≥ 96
7	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020	%	89,6	93
	Chỉ tiêu đầu ra			
8	Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	BM/100.000 trẻ đẻ sống	< 47	< 45

9	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	‰	< 11	< 10
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	‰	< 17	< 16
11	Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân)	%	14,3	13,7
12	Tỷ lệ mắc sốt rét/1000 dân	‰	< 0,05	≤ 0,05
13	Số người mắc lao trong cộng đồng	BN/100.000 dân	< 168	< 157
14	Duy trì kết quả thanh toán bệnh phong, bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh		Đạt mục tiêu	Đạt mục tiêu
15	Dân số trung bình	người	1.656.810	1.670.707
16	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,11	0,1
17	Tỷ số giới tính khi sinh	số bé trai/100 bé gái	115,7	116
18	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	0,1	< 0,3

(Chi tiết các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu tại các biểu đính kèm).

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác quản lý nhà nước

1.1. Công tác tham mưu:

Tham mưu với Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh về một số vấn đề trọng tâm trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Thành lập, sáp nhập một số đơn vị y tế theo hướng thu gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động và đầu tư, đảm bảo phù hợp với Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ và Quyết định số 296/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang.

- Trình UBND tỉnh quyết định ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành y tế sử dụng ngân sách nhà nước.

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Chỉ đạo các đơn vị trong ngành tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII và Đại hội Đảng bộ các cấp. Đồng thời tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển y tế tỉnh Bắc

Giang đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 675/KH-UBND ngày 25/3/2013 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh ban hành một số chính sách phát triển y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ; Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 04/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Chỉ đạo các đơn vị trong ngành tích cực thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao; chú trọng nâng cao chất lượng chuyên môn, kỹ thuật và chất lượng phục vụ nhân dân; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ có hiệu quả, nâng cao ý thức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phát huy dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

1.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát:

Sở Y tế tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, tập trung vào các lĩnh vực: An toàn vệ sinh thực phẩm; hành nghề y, y học cổ truyền, hành nghề dược, kinh doanh mỹ phẩm, vắc xin, sinh phẩm; thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

Tổ chức các lớp đào tạo, phổ biến giáo dục pháp luật và tập huấn nghiệp vụ thanh tra về các lĩnh vực: Khám chữa bệnh, phòng bệnh, dược, an toàn thực phẩm, dân số - KHHGD, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong ngành y tế.

1.4. Quản lý hành nghề y, dược:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 06/11/2013 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý hành nghề y, dược ngoài công lập trên địa bàn. Thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề y, dược; giấy phép hoạt động cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, trang thiết bị y tế; giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc”... theo đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, coi trọng hình thức thanh tra, kiểm tra đột xuất của tất cả các cấp quản lý từ tỉnh tới xã về việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề y, dược tại các cơ sở y, dược trên địa bàn; xử lý nghiêm các cơ sở hành nghề y, dược vi phạm pháp luật về hành nghề y dược.

1.5. Cải cách hành chính:

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là các bệnh viện tiếp tục tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thời gian giải quyết hoàn thành quy trình khám, chữa bệnh góp phần tăng sự hài lòng của người bệnh, nâng cao thương hiệu bệnh viện, tiến tới triển khai thực hiện mô hình quản lý bệnh viện hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

2. củng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế

Tiếp tục củng cố, phát triển và hoàn thiện hệ thống y tế theo Quy hoạch phát triển y tế Bắc Giang đến năm 2020 đã được ban hành tại Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ và Quyết định số 296/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang. Trọng tâm là:

- Giải thể, sáp nhập một số đơn vị thuộc hệ y tế dự phòng tuyến tỉnh theo hướng thu gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động và đầu tư.

- Thành lập và đưa vào hoạt động Bệnh viện Nội tiết; thành lập Bệnh viện Ung bướu trên cơ sở giải thể BVĐK thành phố Bắc Giang và sáp nhập với Khoa ung bướu của BVĐK tỉnh.

- Các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện chia tách, thành lập các khoa, phòng theo hướng chuyên khoa sâu.

- Một số đơn vị mở rộng, phát triển và chuẩn bị các điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn để nâng hạng: Bệnh viện PHCN, BVĐK huyện Lạng Giang, BVĐK huyện Sơn Động.

Tiếp tục thực hiện xây dựng các xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 theo Kế hoạch 545/KH-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh và Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế (trong đó triển khai thẩm định lại các xã/phường/thị trấn đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế sau 3 năm theo quy định của Bộ Y tế).

Thúc đẩy phát triển y tế tư nhân, thành lập 1-2 bệnh viện tư nhân và tăng cường phối hợp công - tư trong lĩnh vực y tế nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

3. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo phát triển nhân lực y tế

Triển khai hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế Bắc Giang giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 35/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh. Trong đó chú trọng đào tạo cán bộ y tế sau đại học và đào tạo, chuyển giao kỹ thuật mới thông qua việc mở rộng, phát triển các cơ sở xã hội hóa y tế, đề án bệnh viện vệ tinh và các dự án viện trợ nước ngoài.

Liên kết với các trường đại học y để mở các lớp đào tạo cử nhân điều dưỡng hệ liên thông. Tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý y tế, quản lý chất lượng, quản lý tài chính và công tác xã hội cho các bộ y tế tại các tuyến, đào tạo liên tục về kỹ năng thực hành cho cán bộ y tế xã. Song song với đào tạo chuyên môn, cử các cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước.

Tiếp tục rà soát, xây dựng đội ngũ nhân viên y tế có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ năng lực thi hành nhiệm vụ theo Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị trong ngành. Đồng thời thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ; tổ chức luân

chuyên, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức vào các vị trí lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị trong ngành.

4. Các nhiệm vụ chuyên môn y tế và dân số - KHHGD

4.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Đa dạng hoá các hình thức truyền thông và nâng cao tính chủ động của công tác truyền thông cung cấp thông tin, giáo dục sức khỏe để tạo được tạo sự đồng thuận, ủng hộ và tranh thủ sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan truyền thông, dư luận và mỗi người dân trong thực hiện các chính sách về y tế như: Chính sách bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế, lợi ích của việc tiêm chủng phòng bệnh, chính sách dân số; đồng thời nâng cao kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho mọi người trong cộng đồng nhằm thay đổi hành vi và chủ động thực hành bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng.

4.2. Y tế dự phòng:

Chủ động triển khai các biện pháp dự phòng tích cực; dự báo, giám sát chặt chẽ dịch bệnh, xử lý và khống chế kịp thời các bệnh dịch, không để dịch bệnh bùng phát, lây lan rộng, nhất là các bệnh dịch nguy hiểm, bệnh dịch mới nổi.

Tập trung chỉ đạo công tác tiêm chủng mở rộng để duy trì tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cao, quản lý tốt hoạt động tiêm chủng dịch vụ, thực hành nghiêm túc quy trình an toàn tiêm chủng; duy trì kết quả thanh toán bệnh phong và bại liệt; loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm số mắc và chết các bệnh truyền nhiễm.

Triển khai tích cực các biện pháp tác động tới việc kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi có hại cho sức khỏe như: Ô nhiễm môi trường, hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, dinh dưỡng không hợp lý. Chủ động triển khai các biện pháp đề phòng và ứng phó hiệu quả với các trường hợp thiên tai, thảm họa, tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, các sở, ngành liên quan và đặc biệt là UBND các huyện/thành phố tăng cường công tác quản lý, kiểm soát đảm bảo ATVSTP. Tăng cường giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm chủ động, cảnh báo nguy cơ; tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và liên ngành tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và chế biến thực phẩm.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư và giảm tỷ lệ mắc mới. Mở rộng các dịch vụ khám, tư vấn xét nghiệm phát hiện người nhiễm HIV để giới thiệu tiếp cận sớm điều trị ARV. Mở rộng tiếp nhận người nghiện chích ma túy vào điều trị tại các cơ sở Methadone tại các địa điểm: Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS, trung tâm y tế các huyện: Lục Ngạn, Yên Thế, Hiệp Hòa, Tân Yên, thành phố Bắc Giang, Trung tâm Điều trị nghiện tự nguyện và Trung tâm Giáo dục lao động - xã hội thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

4.3. Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng:

Tăng cường phát triển kỹ thuật ở tất cả các tuyến để tăng tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế; các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện mở rộng thực hiện nhiều kỹ thuật vượt tuyến, phát triển một số lĩnh vực y tế chuyên sâu, mũi nhọn phù hợp với điều kiện của tỉnh, từng bước giảm dần tỷ lệ chuyển tuyến trung ương. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh thông qua phát triển các cơ sở xã hội hóa y tế; kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền để đạt hiệu quả tốt trong chẩn đoán và điều trị bệnh; tích cực triển khai các hoạt động phục hồi chức năng tại cơ sở.

Mở rộng triển khai quản lý, điều trị ngoại trú có kiểm soát một số bệnh mãn tính (tăng huyết áp, đái tháo đường typ 2, viêm loét dạ dày - tá tràng, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính) tại các bệnh viện tuyến huyện và trạm y tế tuyến xã.

Các bệnh viện thường xuyên rà soát quy trình để điều chỉnh, cải cách thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh theo Quyết định 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế và tiếp tục triển khai Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”.

Phát triển hệ thống quản lý chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện, ban hành các quy trình chuyên môn kỹ thuật, báo cáo sự cố y khoa; có cơ chế tăng cường tiếp nhận phản hồi của người dân, thành lập các phòng/tổ công tác xã hội trong bệnh viện.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Quy định hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo tại các cơ sở y tế công lập và hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cao cho người cận nghèo từ nguồn kinh phí Dự án NORRED.

4.4. Dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Mở rộng các kênh tiếp thị xã hội và xã hội hóa nhằm cung ứng kịp thời, đầy đủ các phương tiện tránh thai hiện đại đến mọi đối tượng có nhu cầu; bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện tốt sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chuyên môn để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu sản khoa và sơ sinh, trong đó chú trọng đến hoạt động quản lý sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở tuyến y tế cơ sở, nhất là tuyến xã.

Tăng cường phối hợp liên ngành trong thực hiện các can thiệp về dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi. Tích cực huy động cộng đồng tham gia vào việc cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ trước, trong khi mang thai và cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em ở mọi lứa tuổi.

5. Công tác kế hoạch và tài chính

Triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính ngành y tế, cụ thể: Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn; Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Áp dụng cơ chế quản lý bệnh viện công theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả và tiến tới thực hiện quản trị bệnh viện công theo mô hình quản trị doanh nghiệp.

Thực hiện rà soát phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập thành các đơn vị tự chủ một phần, đơn vị tự chủ toàn bộ chi phí hoạt động và đơn vị được nhà nước đảm bảo 100% ngân sách hoạt động.

Phối hợp với các ngành liên quan và chính quyền các cấp tăng cường các giải pháp mở rộng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, tập trung vào các đối tượng có tỷ lệ tham gia thấp. Trong ngành y tế tiếp tục phát động trong toàn ngành y tế phong trào "Mỗi cán bộ y tế tình nguyện mua thẻ bảo hiểm y tế tặng người thân, người có hoàn cảnh khó khăn". Tiếp tục hỗ trợ mua BHYT cho người cận nghèo từ nguồn ngân sách tỉnh và Dự án NORRED.

Tích cực tranh thủ các dự án hợp tác quốc tế để bổ sung nguồn lực cho hoạt động của ngành y tế.

6. Dược, trang thiết bị y tế

Thực hiện tốt công tác đấu thầu tập trung để cung ứng đủ thuốc, vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh của nhân dân với chất lượng đảm bảo, an toàn, có giá cả hợp lý, thống nhất toàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện các chương trình chuẩn hóa và quản lý chất lượng thuốc: GMP, GLP, GSP, GPP. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn, phát hiện và xử lý kịp thời thuốc, mỹ phẩm nhập lậu, thuốc giả, không rõ nguồn gốc; tăng cường quản lý nguồn gốc và chất lượng đông dược và dược liệu tại các cơ sở sản xuất và cung ứng.

Tiếp tục củng cố công tác dược bệnh viện, nâng cao hiệu quả công tác dược lâm sàng, trong đó quan tâm đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ dược lâm sàng; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kho bảo quản thuốc tốt theo đúng quy định tại các bệnh viện.

Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra việc cung ứng, sử dụng vắc xin, sinh phẩm tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

Tranh thủ các nguồn lực đầu tư, trong đó chú trọng nguồn lực xã hội hóa y tế để đầu tư các trang thiết bị y tế hiện đại cho các cơ sở y tế có điều kiện phát triển kỹ thuật cao, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa

bệnh, phòng bệnh của nhân dân trong tỉnh. Đồng thời quan tâm đến việc duy tu, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các trang thiết bị y tế.

7. Xây dựng cơ bản

Tranh thủ các nguồn lực đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế của tỉnh đáp ứng nhu cầu sử dụng, tập trung vào các dự án sau:

- *Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh:*

+ Ưu tiên vốn để hoàn thành các dự án dở dang: Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng, Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, Trung tâm Y tế huyện Việt Yên, Bệnh viện Nội tiết (phần vốn đối ứng địa phương), Dự án cải tạo nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

+ Đề xuất 02 dự án khởi công mới: Xây dựng Nhà xạ trị thuộc BVĐK tỉnh và Xây dựng Trung tâm Y tế huyện Lục Nam.

- *Vốn hỗ trợ mục tiêu từ ngân sách trung ương:*

+ Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020: Dự án Xây dựng Bệnh viện Nội tiết (phần vốn Trung ương).

+ Đề xuất 01 dự án khởi công mới: Bệnh viện Y học cổ truyền.

8. Công tác xã hội hóa y tế

Đẩy mạnh xã hội hóa y tế theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh: Phấn đấu đến hết năm 2017 có 80% bệnh viện công lập triển khai thực hiện xã hội hóa y tế nhằm huy động các nguồn lực của xã hội cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học công nghệ

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ của ngành y tế; từng bước hiện đại hoá hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện.

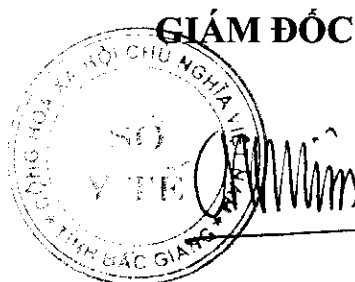
Khuyến khích các đơn vị và cá nhân tích cực hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và ứng dụng các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực y tế vào công tác chuyên môn cũng như công tác quản lý của ngành y tế. /stt

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC;

Bản điện tử:

- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở.



Ong Thế Viên

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH Y TẾ NĂM 2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2015	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2016/TH 2015	KH 2017/Ước TH 2016	
A	Y TẾ									
1	Tổng số cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở	249	249	249	250	250			
	- Bệnh viện	"	16	16	16	17	17			
	+ Tuyển tỉnh	"	7	7	7	8	9			
	+ Tuyển huyện/thành phố	"	9	9	9	9	8			
	- Phòng khám đa khoa khu vực	"	3	3	3	3	3			
	- Trạm y tế xã/phường/thị trấn	"	230	230	230	230	230			
2	Tổng số giường bệnh	Giường	4.575	4.655	4.655	4.655	4.705			
2.1	Giường bệnh viện	"	3.410	3.490	3.490	3.490	3.540			<i>Tăng 50 giường bệnh</i>
<i>a</i>	<i>Tuyển tỉnh:</i>	"	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>2.150</i>			<i>Tăng 150 giường bệnh</i>
	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	"	700	700	700	700	700			
	Bệnh viện Sản - Nhi	"	450	450	450	450	450			
	Bệnh viện Phục hồi chức năng	"	150	150	150	150	150			
	Bệnh viện Y học cổ truyền	"	140	140	140	140	140			
	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	"	200	200	200	200	200			
	Bệnh viện Tâm Thần	"	130	130	130	130	130			
	Bệnh viện Đa khoa khu vực Lục Ngạn	"	230	230	230	230	230			
	Bệnh viện Nội tiết (*)	"	0	0	0	0	50			Tăng 50 giường bệnh
	Bệnh viện Ung bướu	"	0	0	0	0	100			Tăng 100 giường bệnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2015	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2016/TH 2015	KH 2017/Ước TH 2016	
<i>b</i>	<i>Tuyến huyện:</i>		1410	1490	1490	1490	1390			Giảm 100 giường bệnh
	Bệnh viện ĐK huyện Sơn Động	"	120	140	140	140	140			
	Bệnh viện ĐK huyện Lục Nam	"	170	190	190	190	190			
	Bệnh viện ĐK huyện Lạng Giang	"	150	150	150	150	150			
	Bệnh viện ĐK huyện Yên Thế	"	150	150	150	150	150			
	Bệnh viện ĐK huyện Tân Yên	"	190	190	190	190	190			
	Bệnh viện ĐK huyện Hiệp Hoà	"	200	200	200	200	200			
	Bệnh viện ĐK huyện Việt Yên	"	160	180	180	180	180			
	Bệnh viện ĐK huyện Yên Dũng	"	170	190	190	190	190			
	Bệnh viện ĐK TP. Bắc Giang (*)	"	100	100	100	100	0			Giảm 100 giường bệnh
2.2	Phòng khám đa khoa khu vực (giường lưu)	"	15	15	15	15	15			
2.3	Trạm y tế xã/phường/thị trấn (giường lưu)	"	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150			
3	Đào tạo (tại Trường Trung cấp Y tế)									
3.1	Đào tạo chính quy (tuyển mới)	Học sinh	410	400	154	400	300			
	- Đào tạo từ ngân sách nhà nước	"	300	300	108	300	200			
	- Đào tạo ngoài NSNN (tự đảm bảo kinh phí)	"	110	100	46	100	100			
3.2	Đào tạo liên tục	"	301	230	53	230	230			
4	Số xã/phường/thị trấn có trạm y tế	xã/P/TT	230	230	230	230	230			
5	Tỷ lệ TYT xã/phường/thị trấn có bác sỹ	%	96,5	97,8	97,8	98,3	98,7			
	Trong đó: Tỷ lệ trạm y tế xã miền núi có bác sỹ	%	96,3	97	97	98,9	99,5			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2015	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2016/TH 2015	KH 2017/Ước TH 2016	
6	Số xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (lũy kế)	xã	195	206	195	206	214			
7	Tổng số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường TYT xã và PKĐKKV)	giường	21,1	21,4	21,4	22,8	24,2			
	Trong đó:									
	+ Số giường xã hội hóa trong BV công lập/10.000 dân	giường	0	0	0	1,1	2,1			
	+ Số giường bệnh viện ngoài công lập/10.000 dân	giường	0,4	0	0	0,7	1,0			
8	Số bác sỹ/10.000 dân	bác sỹ	7,9	8,2	7,9	8,2	8,3			
9	Số dược sĩ đại học/10.000 dân	dược sĩ	0,67	0,75	0,67	0,68	0,69			
10	Tỷ lệ TYT có nữ hộ sinh hoặc YSSN	%	100	100	100	100	100			
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	97	> 95	48,5	≥ 96	≥ 96			
12	Tỷ lệ mắc một số bệnh:									
	+ Sốt rét	BN/1000 dân	0,05	0,05	0,01	< 0,05	≤ 0,05			
	+ Bướu cổ (trẻ em 8 - 10 tuổi)	%	6	< 6	< 6	< 6	< 5			
	+ Số người mắc lao trong cộng đồng	BN/100000 dân	180	< 168	< 168	< 168	< 157			
	+ Phong (mắc mới)	BN/100000 dân	0	0,1	0,12	0,1	0,1			
	+ Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	0,1	< 0,3	0,1	0,1	< 0,3			
13	Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ đẻ sống	BM/100000 trẻ đẻ sống	8,3	< 47	11,4	< 47	< 45			- 03 chỉ tiêu này được thu thập từ các cơ sở y tế, không có số liệu điều tra tại cộng đồng.
14	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	2,8	< 11	2,8	< 11	< 10			- KH 2017 giao theo mục tiêu của KH thực hiện Chiến lược Dân số và SKSS 2011-2020
15	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	3,3	< 17	4,0	< 17	< 16			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2015	Năm 2016			Kế hoạch năm 2017	So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		Ước TH 2016/TH 2015	KH 2017/Ước TH 2016	
16	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân)	%	14,8	14,4	14,4	14,3	13,7			
B	DÂN SỐ									
1	Dân số trung bình	Người	1.641.231	1.656.632	1.650.020	1.656.810	1.670.707			
2	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,2	0,1	0,38	0,11	0,1			
3	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên	%	1,16	1,16	0,52	1,16	1,15			
4	Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng BPTT hiện đại	%	72,5	> 70	70,2	> 70	> 70			
5	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	bé trai/100 bé gái	115,4	116	114,5	115,7	116			

(*): Năm 2017, BVĐK thành phố Bắc Giang sẽ giải thể, sáp nhập thành Bệnh viện Ung bướu và thành lập Bệnh viện Nội tiết trên cơ sở Trung tâm Phòng chống Sốt rét - Nội tiết.

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ
VÀ TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI 5 TUỔI BỊ SUY DINH DƯỠNG NĂM 2017
(Phân theo huyện, thành phố)**

STT	Huyện, thành phố	Ước thực hiện năm 2016			Kế hoạch năm 2017		
		Lũy kế số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (%)	Lũy kế số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (%)
	Tổng toàn tỉnh	206	89,6	14,3	214	93,0	13,7
1	Thành phố Bắc Giang	16	100	12,2	16	100	11,8
2	Huyện Sơn Động	15	65,2	18,0	16	69,6	17,0
3	Huyện Lục Ngạn	26	86,7	15,0	28	93,3	14,4
4	Huyện Lục Nam	25	92,6	15,2	27	100	14,6
5	Huyện Lạng Giang	23	100	14,7	23	100	14,1
6	Huyện Yên Thế	17	81,0	14,4	18	85,7	13,8
7	Huyện Tân Yên	23	95,8	14,4	23	95,8	13,8
8	Huyện Hiệp Hoà	25	96,2	14,8	26	100	14,2
9	Huyện Việt Yên	19	100	12,8	19	100	12,3
10	Huyện Yên Dũng	17	81,0	12,8	18	85,7	12,3

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH DÂN SỐ NĂM 2017
(Phân theo huyện, thành phố)

STT	Huyện, thành phố	Ước thực hiện năm 2016				Kế hoạch năm 2017			
		Dân số trung bình (Người)	Mức giảm tỷ lệ sinh (‰)	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%)	Tỷ số giới tính khi sinh (Số bé trai/100 bé gái) (*)	Dân số trung bình (Người)	Mức giảm tỷ lệ sinh (‰)	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%)	Tỷ số giới tính khi sinh (Số bé trai/100 bé gái) (*)
	Tổng toàn tỉnh	1.656.810	0,11	1,16	115,7	1.670.707	0,10	1,15	116
1	Thành phố Bắc Giang	153.700	0,09	1,05		154.500	0,05	1,05	
2	Huyện Lục Ngạn	219.187	0,01	1,17		221.500	0,12	1,16	
3	Huyện Lục Nam	211.500	0,04	1,19		213.207	0,07	1,18	
4	Huyện Sơn Động	72.859	0,19	1,35		73.500	0,13	1,34	
5	Huyện Yên Thế	100.396	0,12	1,08		101.000	0,08	1,07	
6	Huyện Hiệp Hoà	228.067	0,19	1,19		230.000	0,11	1,19	
7	Huyện Lạng Giang	201.906	0,14	1,12		203.500	0,10	1,12	
8	Huyện Tân Yên	167.801	0,11	1,21		169.000	0,12	1,20	
9	Huyện Việt Yên	168.394	0,20	1,21		169.500	0,11	1,20	
10	Huyện Yên Dũng	133.000	0,08	1,05		135.000	0,06	1,07	

Ghi chú: () Chỉ số giới tính khi sinh chỉ tính cho toàn tỉnh, không tính cho từng huyện/TP.*

**CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH VỀ BỆNH NHÂN ĐƯỢC ĐIỀU TRỊ NGHIỆN
CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN BẰNG THUỐC METHADONE NĂM 2017**

STT	Huyện/thành phố (*)	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Năm 2016			Kế hoạch 2017
				Kế hoạch năm 2016	Thực hiện 6 tháng 2016	Ước thực hiện cả năm 2016	
*	Tổng toàn tỉnh	Người	749	1.400	840	1.100	1.400
1	Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS	Người	352	300	309	300	320
2	UBND thành phố Bắc Giang	Người	49	200	99	150	200
3	UBND huyện Lục Ngạn	Người	124	220	127	150	220
4	UBND huyện Hiệp Hòa	Người	90	180	104	150	200
5	UBND huyện Yên Thế	Người	49	150	73	110	140
6	UBND huyện Tân Yên	Người	0	50	0	50	80
7	Trung tâm Điều trị nghiện tự nguyện - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Người	85	200	100	130	160
8	Trung tâm Giáo dục lao động - xã hội, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Người	0	100	28	60	80

Ghi chú: Các đơn vị có thể tiếp nhận bệnh nhân trên địa bàn toàn tỉnh.

CƠ SỞ TÍNH CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NĂM 2017

Chương: 423

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Dự toán năm 2017
				Dự toán	Ước TH	
I	Kinh phí thường xuyên	Tr.đồng	7.141	7.498	7.498	7.873
1	Biên chế được duyệt	Người	77	77	77	77
2	Số CBCC có mặt thực tế	Người	73	73	73	73
	- Biên chế	Người	65	65	65	68
	- Hợp đồng	Người	8	8	8	5
	+ Dài hạn	Người	8	8	8	5
	+ Ngắn hạn	Người				
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	5.304	5.566	5.566	7.568
	Trong đó		-		-	
	- Lương CBCC trong chỉ tiêu biên chế, trong đó:	Tr.đồng				
	+ Từ NSNN theo CD quy định	Tr.đồng	5.236	5.498	5.498	7.325
	+ Từ một phần nguồn thu được để lại theo CD quy định	Tr.đồng				
	+ Lương CB HĐ ngoài chỉ tiêu b/c	Tr.đồng	-	-	-	
	- Tiền công	Tr.đồng	68	68	68	243
II	Kinh phí không thường xuyên		2.184	1.200	1.200	1.000
4	- Mua sắm, sửa chữa trụ sở làm việc, ô tô	Tr.đồng	1.534	500	500	1.000
5	- Sự nghiệp ngành	Tr.đồng	650	700	700	
III	Cộng NSNN cấp	Tr.đồng	9.325	8.698	8.698	8.873
IV	Thu phí, lệ phí					
	Tổng số	Tr.đồng	2.686	730	1.500	1.150
	Nộp ngân sách	Tr.đồng	537	150	250	183
	Để lại chi theo chế độ	Tr.đồng	2.149	580	1.250	967

Thu phí năm 2016 giảm do thu phí quản lý hành nghề giảm vì đã cấp cơ bản hết chứng chỉ hành nghề cho các đối tượng.

LẬP BIỂU



Nguyễn Văn Phong

Ngày 08 tháng 7 năm 2016

GIÁM ĐỐC



Ong Thế Viên

CƠ SỞ CHI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2015	Năm 2016		Dự toán 2017
			Dự toán	ước TH	
I. TỔNG SỐ CHI NSNN CẤP					5.823
A. Trường trung cấp chuyên nghiệp					
1. Số trường	Trường	1	1	1	1
2. Số biên chế	Người	52	52	52	52
3. Số học sinh có mặt 01/01	Học sinh	616	600	600	600
4. Số học sinh ra trường	Học sinh	597	455	455	311
5. Số học sinh tuyển mới	Học sinh	311	300	300	200
6. Số học sinh bình quân	Học sinh	600	600	600	550
7. Mức chi	Triệu đồng	6,70	6,70	6,70	6,70
8 Tổng số chi	Triệu đồng	5.136	5.288	5.288	5.546
- Chi theo định mức	Triệu đồng	4.020	4.020	4.020	3.685
- CL lương theo lương mới	Triệu đồng	1.116	1.268	1.268	1.861
B. Dạy nghề				-	126,5
1. Số trường	Trường	1	1	1	1
2. Số biên chế	Người			-	
3. Số học sinh có mặt 01/01	Học sinh			-	
4. Số học sinh ra trường	Học sinh			-	
5. Số học sinh tuyển mới	Học sinh	230	230	230	230
6. Số học sinh bình quân	Học sinh	230	230	230	230
7. Mức chi	Triệu đồng	0,55	0,55	0,55	0,55
8 Tổng số chi	Triệu đồng	113	134	134	126,5
C. Các khoản chi khác					150
II. TỔNG SỐ THU	Triệu đồng	4.500,30	1.864,00	3.423,00	3.040,00
1. Học phí	Triệu đồng	4.286,00	1.788,00	3.333,00	3.000,00
2. Phí. lệ phí	Triệu đồng	17,30	-	20,00	
2. Dịch vụ	Triệu đồng	197,00	76,00	70,00	40,00

Ghi chú :

+ Căn cứ thu: Nghị Quyết số : 19/2011/NQ-HĐND; Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010

- Mức thu học phí hệ trong ngân sách : 340.000đ/ hs/tháng ;

- Hệ ngoài ngân sách Ngành Y : 510.000đ/hs/tháng; Hệ ngoài ngân sách Ngành Dược : 560.000đ/hs/t

+ Mức thu lệ phí tuyển sinh (xét tuyển) 30.000đ/hồ sơ

Nguồn thu năm 2017 giảm do số lượng học sinh các lớp đào tạo ngắn hạn giảm

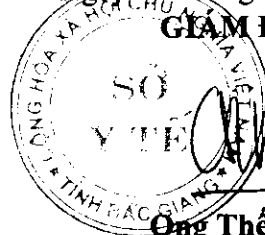
LẬP BIỂU



Nguyễn Văn Phong

Ngày 07 tháng 7 năm 2016

GIAM ĐỐC



Ông Thế Viên

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Dự toán năm 2017
				Dự toán	Ước TH	
I	Tổng chi khám, chữa bệnh		308.795	351.019	351.019	405.346
a	Bệnh viện	Tr.đồng	274.927	300.205	300.205	325.816
	- Số biên chế	Người	3.161	3.241	3.241	3.333
	- Số cơ sở	Bệnh viện	15	15	15	15
	- Số giường bệnh	Giường	3.260	3.340	3.340	3.340
	- Mức chi TX theo giường bệnh	Tr.đồng	84	90	90	98
	- Tổng số chi	Tr.đồng	274.927	300.205	300.205	325.816
	+ Chi theo định mức	Tr.đồng	167.935	171.815	171.815	252.000
	+ Chi cho con người (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp)					210.000
	+ Chênh lệch tiền lương mới	Tr.đồng	56.808	68.170	68.170	
	+ Phụ cấp ưu đãi, PC thu hút	Tr.đồng	34.399	41.279	41.279	71.744
	+ Chênh lệch phụ cấp thường trực, phẫu thuật thủ thuật	Tr.đồng	12.617	15.140	15.140	
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	Tr.đồng	1.027	1.232	1.232	2.071
	- Phụ cấp cho người có hệ số dưới 2,34	Tr.đồng	2.141	2.569	2.569	
b	Phục hồi chức năng	Tr.đồng	8.237	8.894	8.894	9.618
	- Số biên chế	Người	115	115	115	115
	- Số cơ sở	Bệnh viện	1	1	1	1
	- Số giường bệnh	Giường	150	150	150	150
	- Mức chi TX theo giường bệnh	Tr.đồng	55	59	59	64
	- Tổng số chi	Tr.đồng	8.237	8.894	8.894	9.618
	+ Chi theo định mức	Tr.đồng	4.950	4.950	4.950	7.982
	+ Chi cho con người (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp)					6.652
	+ Chênh lệch tiền lương mới	Tr.đồng	2.049	2.459	2.459	
	+ Phụ cấp ưu đãi, PC thu hút	Tr.đồng	1.015	1.218	1.218	1.583
	+ Phụ cấp thường trực, phẫu thuật thủ thuật	Tr.đồng	107	128	128,4	
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	Tr.đồng	43	52	51,6	53
	- Phụ cấp cho người có hệ số dưới 2,34	Tr.đồng	73	88	87,6	
c	Phòng khám đa khoa	Tr.đồng	5.381	5.919	5.919	6.912
	- Số biên chế	Người	40	40	40	42
	- Số cơ sở		3	3	3	3
	- Số giường bệnh		0			
	- Mức chi thường xuyên theo biên chế		135	148	148	165
	- Tổng số chi		5.381	5.919	5.919	6.912
	+ Chi theo định mức	Tr.đồng	2.692	2.692	2.692	4.440
	+ Chi cho con người (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp)					3.700

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Dự toán năm 2017
				Dự toán	Ước TH	
	+ Chênh lệch tiền lương mới	Tr.đồng	1.077	1.292	1.292	
	+ Phụ cấp ưu đãi, PC thu hút	Tr.đồng	1.567	1.880	1.880	2.443
	+ Phụ cấp thường trực	Tr.đồng		-	-	
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	Tr.đồng	22	26	26	29
	- Phụ cấp cho người có hệ số dưới 2,34	Tr.đồng	23	28	28	
d	Chi không thường xuyên	Tr.đồng	20.250	36.000	36.000	63.000
	- Mua sắm TTBYYT	Tr.đồng	17.000	30.000	30.000	50.000
	- Học tập chuyên giao kỹ thuật	Tr.đồng	350	500	500	3.000
	- Quản lý bệnh không lây nhiễm	Tr.đồng	300	500	500	1.000
	- Chiến lược quốc gia PC bệnh tim mạch, đái tháo đường, hen phế quản, ung thư					1.000
	- Sửa chữa nhà cửa		2.600	5.000	5.000	8.000
	Phục hồi chức năng cho người khuyết tật	Tr.đồng	250	250	250	
II	Tổng số chi phòng bệnh, CK	Tr.đồng	67.386	80.910	80.910	100.548
	- Số biên chế	Người	654	654	654	666
	- Số cơ sở	TTâm	20	19	19	20
	- Số giường bệnh	Giường	-			
	- Mức chi TX theo biên chế	Tr.đồng	86	92	92	111
	- Chi TX cho CT phòng bệnh	Tr.đồng	55.976	60.290	60.290	73.628
	+ Chi theo định mức	Tr.đồng	34.336	34.336	34.336	56.466
	+ Chi cho con người (lương, phụ cấp, các khoản đóng góp)					47.055
	+ Chênh lệch tiền lương mới	Tr.đồng	13.099	15.719	15.719	
	+ Phụ cấp ưu đãi, PC thu hút	Tr.đồng	7.846	9.415	9.415	16.820
	+ Bảo hiểm thất nghiệp	Tr.đồng	267	320	320	342
	- Phụ cấp cho người có hệ số dưới 2,34	Tr.đồng	428	500	500	
	Chi không thường xuyên	Tr.đồng	11.410	20.620	20.620	26.920
	KP duy trì CTMT	Tr.đồng	1.810	3.000	3.000	4.000
	- Kinh phí đối ứng dự án viện trợ	Tr.đồng	6.500	6.500	6.500	12.000
	- Kinh phí PC bưou cổ	Tr.đồng	100	120	120	120
	- Mua mẫu xét nghiệm và hóa chất	Tr.đồng	300	300	300	300
	- Mua sắm TTBYYT, thiết bị văn phòng	Tr.đồng	-	4.000	4.000	5.000
	- XD, Sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất	Tr.đồng	1.700	3.000	3.000	2.000
	- Phụ cấp chống dịch	Tr.đồng	850	3.000	3.000	3.000
	- Nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng	Tr.đồng		500	500	500
	- CT phối hợp toàn dân PC AIDS	Tr.đồng	150	200	200	
III	Y tế xã, trợ cấp y tế thôn bản	Tr.đồng	154.025	163.504	163.504	172.820
	- Chi thường xuyên	Tr.đồng	4.600	4.600	4.600	5.520

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Dự toán năm 2017
				Dự toán	Ước TH	
	- Lương và các khoản phụ cấp, kinh phí công đoàn, phụ cấp thường trực	Tr.đồng	130.769	134.692	134.692	142.000
	- Phụ cấp nhân viên y tế thôn/bản	Tr.đồng	12.536	12.912	12.912	14.000
	- Phụ cấp cán bộ xã/phường/thị trấn làm công tác phòng chống AIDS		990	1.300	1.300	1.300
	- Hỗ trợ tiền học phí, chuyển giao kỹ thuật mới	Tr.đồng	750	1.000	1.000	1.000
	- Sửa chữa trang thiết bị y tế.	Tr.đồng	1.380	4.000	4.000	4.000
	- Mua sắm trang thiết bị cho Trạm y tế	Tr.đồng	3.000	5.000	5.000	5.000
IV	KCB cho người nghèo					10.000
*	TỔNG NSNN CẤP		530.206	595.433	595.433	688.714
V	CÁC KHOẢN THU SN	Tr.đồng	555.358	585.177	719.500	1.020.000
	- Viện phí, lệ phí	Tr.đồng	554.300	568.765	700.000	1.000.000
	+ Trong đó BHYT thanh toán	Tr.đồng	433.705	450.650	500.000	800.000
	- Khác (dịch vụ)	Tr.đồng	19.100	16.412	19.500	20.000

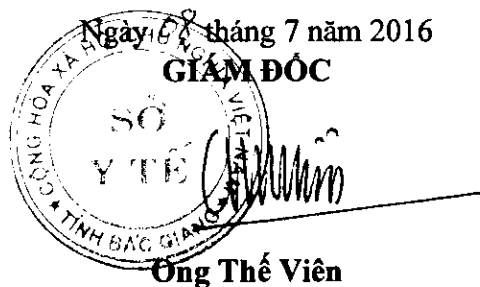
LẬP BIỂU



Nguyễn Văn Phong

Ngày 07 tháng 7 năm 2016

GIÁM ĐỐC



Ông Thế Viên